BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG THẨO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc	**Ánh**	18/08/2002		7	Bảy	C22KT1	
2	2010110022	Trần Tuyết	**Băng**	22/09/2002		9	Chín	C22KT1	
3	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu	**Bích**	02/02/2020		8	Tám	C22KT1	
4	2010110009	Nguyễn Thị Hồng	**Gấm**	04/06/2000		9	Chín	C22KT1	
5	2010110003	Lê Thị Kim	**Hương**	21/12/1999		7	Bảy	C22KT1	
6	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc	**Loan**	17/08/2002		8	Tám	C22KT1	
7	2010110019	Nguyễn Huỳnh	**Luân**	12/11/2002		5	Năm	C22KT1	
8	2010110013	Ngô Thị Xuân	**Mai**	26/01/2002		9	Chín	C22KT1	
9	2010110015	Trịnh Trúc	**Ngân**	04/08/2002		5	Năm	C22KT1	SV không ký tên
10	2010110005	Lê Huỳnh	**Oanh**	29/01/2002		6	Sáu	C22KT1	
11	2010110008	Vũ Thị Kiều	**Oanh**	28/02/2002		8	Tám	C22KT1	
12	2010110020	Nguyễn Thị	**Sương**	05/02/2000		9	Chín	C22KT1	
13	2010110014	Trương Thị Phương	**Thanh**	22/08/2002		10	Mười	C22KT1	
14	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh	**Thảo**	11/07/2002		7	Bảy	C22KT1	
15	2010110004	Trương Thị	**The**	15/02/1998		8	Tám	C22KT1	
16	2010110007	Nguyễn Đức	**Thịnh**	08/10/2002		8	Tám	C22KT1	
17	2010110017	Võ Thanh	**Thùy**	13/09/2002		10	Mười	C22KT1	
18	2010110002	Vi Thị Minh	**Thư**	20/11/2000		10	Mười	C22KT1	
19	2010110001	Quách Cẩm	**Thy**	20/05/1997		8	Tám	C22KT1	
20	2010110026	Đặng Thị Cẩm	**Tiên**	06/08/2002		8	Tám	C22KT1	
21	2010110021	Nguyễn Thị Quế	**Trân**	11/12/2002		8	Tám	C22KT1	
22	2010110025	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	07/12/2002		9	Chín	C22KT1	
23	2010110006	Phạm Ngọc Phi	**Yến**	28/10/2002		10	Mười	C22KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____. **Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 11 tháng 4 năm 21

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 14:16 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc	**Ánh**	18/08/2002	Ánh	8	Tám	C22KT1	
2	2010110022	Trần Tuyết	**Băng**	22/09/2002	Băng	7	Bảy	C22KT1	
3	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu	**Bích**	02/02/2020	Bích	7	Bảy	C22KT1	
4	2010110009	Nguyễn Thị Hồng	**Gấm**	04/06/2000	Gấm	6	Sáu	C22KT1	
5	2010110003	Lê Thị Kim	**Hương**	21/12/1999	Hương	6	Sáu	C22KT1	
6	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc	**Loan**	17/08/2002	Loan	8	Tám	C22KT1	
7	2010110019	Nguyễn Huỳnh	**Luân**	12/11/2002	Luân	7	Bảy	C22KT1	
8	2010110013	Ngô Thị Xuân	**Mai**	26/01/2002	Mai	5	Năm	C22KT1	
9	2010110015	Trịnh Trúc	**Ngân**	04/08/2002		9	Chín	C22KT1	SV không ký tên
10	2010110005	Lê Huỳnh	**Oanh**	29/01/2002	Oanh	5	Năm	C22KT1	
11	2010110008	Vũ Thị Kiều	**Oanh**	28/02/2002	Oanh	7	Bảy	C22KT1	
12	2010110020	Nguyễn Thị	**Sương**	05/02/2000	Sương	9	Chín	C22KT1	
13	2010110014	Trương Thị Phương	**Thanh**	22/08/2002	Thanh	5	Năm	C22KT1	
14	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh	**Thảo**	11/07/2002	Thảo	7	Bảy	C22KT1	
15	2010110004	Trương Thị	**The**	15/02/1998	The	6	Sáu	C22KT1	
16	2010110007	Nguyễn Đức	**Thịnh**	08/10/2002	Thịnh	8	Tám	C22KT1	
17	2010110017	Võ Thanh	**Thùy**	13/09/2002	Thùy	7	Bảy	C22KT1	
18	2010110002	Vi Thị Minh	**Thư**	20/11/2000	Thư	6	Sáu	C22KT1	
19	2010110001	Quách Cẩm	**Thy**	20/05/1997	Thy	7	Bảy	C22KT1	
20	2010110026	Đặng Thị Cẩm	**Tiên**	06/08/2002	Tiên	7	Bảy	C22KT1	
21	2010110021	Nguyễn Thị Quế	**Trân**	11/12/2002	Trân	10	Mười	C22KT1	
22	2010110025	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	07/12/2002	Xuân	7	Bảy	C22KT1	
23	2010110006	Phạm Ngọc Phi	**Yến**	28/10/2002	Yến	6	Sáu	C22KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi :_____ **vắng thi:** _____. **Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày 19 tháng 4 năm 21

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 14:17 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036
Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110043	Phan Hồng	Ánh	24/10/2002		9	Chín	C22KT2	
2	2010110047	Huỳnh Võ Huyền	Diệu	31/12/2001		7	Bảy	C22KT2	
3	2010100144	Bàn Thúy	Duyên	22/10/2002		7	Bảy	C22KT2	
4	2010110049	Trần Phạm Thanh	Hà	30/01/2002		9	chín	C22KT2	
5	2010110052	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	16/04/2000		9	Chín	C22KT2	
6	2010110032	Lê Thị Ngọc	Huyền	31/01/2002		10	Mười	C22KT2	
7	2010110046	Lê Thị Quỳnh	Mai	07/06/2002		6	Sáu	C22KT2	
8	2010110040	Võ Nhựt	Minh	29/08/2001		8	Tám	C22KT2	
9	2010110038	Lê Phạm Kiều	Nhi	22/02/2002		10	Mười	C22KT2	
10	2010110034	Nguyễn Yến	Nhi	27/01/2002		8	Tám	C22KT2	
11	2010110029	Hồ Thị Kim	Nhung	15/05/2002		10	Mười	C22KT2	
12	2010110044	Phan Tuyết	Như	15/07/2002		10	Mười	C22KT2	
13	2010110041	Trần Kiều Ái	Phương	21/06/2002		9	chín	C22KT2	
14	2010110051	Nguyễn Thị Thái	Thanh	09/12/2002		10	Mười	C22KT2	
15	2010110031	Phạm Thị Thùy	Trang	02/05/2002		9	chín	C22KT2	
16	2010110028	Trần Ngọc	Trâm	13/01/2002		8	Tám	C22KT2	
17	2010110035	Trần Thị Tiểu	Trân	06/05/2002		9	chín	C22KT2	
18	2010110042	Đoàn Thị Thùy	Trinh	14/04/2002		7	Bảy	C22KT2	
19	2010110030	Phan Thị	Trinh	12/02/2000		9	Chín	C22KT2	
20	2010110039	Võ Thị Mai	Trinh	04/10/2002		10	Mười	C22KT2	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	06/09/2002		7	Bảy	C22KT2	
22	2010110045	Ngô Thanh	Vũ	02/12/2001		7	Bảy	C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy	Vy	12/10/2002		7	Bảy	C22KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 23 / 23 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 tháng 4 năm 21
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 09:26 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110043	Phan Hồng	**Ánh**	24/10/2002		6	Sáu	C22KT2	
2	2010110047	Huỳnh Võ Huyền	**Diệu**	31/12/2001		6	Sáu	C22KT2	
3	2010100144	Bàn Thúy	**Duyên**	22/10/2002		6 tuyl	Sáu tuyl	C22KT2	
4	2010110049	Trần Phạm Thanh	**Hà**	30/01/2002		10	Mười	C22KT2	
5	2010110052	Nguyễn Thị Thảo	**Hiền**	16/04/2000		7	Bảy	C22KT2	
6	2010110032	Lê Thị Ngọc	**Huyền**	31/01/2002		8	Tám	C22KT2	
7	2010110046	Lê Thị Quỳnh	**Mai**	07/06/2002		7	Bảy	C22KT2	
8	2010110040	Võ Nhựt	**Minh**	29/08/2001		8	Tám	C22KT2	
9	2010110038	Lê Phạm Kiều	**Nhi**	22/02/2002		5	Năm	C22KT2	
10	2010110034	Nguyễn Yến	**Nhi**	27/01/2002		8	Tám	C22KT2	
11	2010110029	Hồ Thị Kim	**Nhung**	15/05/2002		7	Bảy	C22KT2	
12	2010110044	Phan Tuyết	**Như**	15/07/2002		6	Sáu	C22KT2	
13	2010110041	Trần Kiều Ái	**Phương**	21/06/2002		9	Chín	C22KT2	
14	2010110051	Nguyễn Thị Thái	**Thanh**	09/12/2002		7	Bảy	C22KT2	
15	2010110031	Phạm Thị Thùy	**Trang**	02/05/2002		8	Tám	C22KT2	
16	2010110028	Trần Ngọc	**Trâm**	13/01/2002		10	Mười	C22KT2	
17	2010110035	Trần Thị Tiểu	**Trân**	06/05/2002		6	Sáu	C22KT2	
18	2010110042	Đoàn Thị Thùy	**Trinh**	14/04/2002		6	Sáu	C22KT2	
19	2010110030	Phan Thị	**Trinh**	12/02/2000		7	Bảy	C22KT2	
20	2010110039	Võ Thị Mai	**Trinh**	04/10/2002		8	Tám	C22KT2	
21	2010110037	Nguyễn Thị Thảo	**Uyên**	06/09/2002		6	Sáu	C22KT2	
22	2010110045	Ngô Thanh	**Vũ**	02/12/2001		6	Sáu	C22KT2	
23	2010110048	Nguyễn Trần Thúy	**Vy**	12/10/2002		8	Tám	C22KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 *tháng* 4 *năm* 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 *tháng* 3 *năm* 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 14:21 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh	**Anh**	11/11/2002		6	Sáu	C22TC	
2	2010120034	Phan Thị Kim	**Anh**	14/03/2002		10	Mười	C22TC	
3	2010120017	Cao Thị Bạch	**Đằng**	25/12/2002		5	Năm	C22TC	
4	2010120018	Bùi Thị	**Hiền**	23/07/2002		9	Chín	C22TC	
5	2010120002	Trần Ngọc Thảo	**Hiền**	09/03/2001		9	Chín	C22TC	
6	2010120011	Nguyễn Thị	**Liễu**	18/11/2002		9	chín	C22TC	
7	2010120006	Nguyễn Thị Phương	**Loan**	27/09/2002		7	Bảy	C22TC	
8	2010120016	Nguyễn Phương	**Mai**	01/04/2001				C22TC	
9	2010120020	Dương Thị Thu	**Nguyệt**	12/08/2002		9	chín	C22TC	
10	2010120015	Nguyễn Yến	**Nhi**	23/01/2002		10	Mười	C22TC	
11	2010120005	Lê Thanh	**Như**	07/07/2002		9	chín	C22TC	
12	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh	**Như**	16/12/2002		9	chín	C22TC	
13	2010120029	Lê Thị Hoài	**Sương**	26/07/2002		9	chín	C22TC	
14	2010120030	Nguyễn Minh	**Thành**	20/11/2002		8	Tám	C22TC	
15	2010120022	Nguyễn Anh	**Thư**	26/09/2002		10	Mười	C22TC	
16	2010120033	Nguyễn Thanh	**Thương**	16/07/2002		9	Chín	C22TC	
17	1810100072	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	23/12/2000		10	Mười	C20QT2	
18	2010120012	Trương Thị Quế	**Trân**	02/09/2002		9	chín	C22TC	
19	2010120024	Nguyễn Thanh	**Tú**	30/08/2002		8	Tám	C22TC	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 19 / 19 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 19 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 14:15 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh	**Anh**	11/11/2002		6	Sáu	C22TC	
2	2010120034	Phan Thị Kim	**Anh**	14/03/2002		7	bảy	C22TC	
3	2010120017	Cao Thị Bạch	**Đằng**	25/12/2002		7	bảy	C22TC	
4	2010120018	Bùi Thị	**Hiền**	23/07/2002		7	bảy	C22TC	
5	2010120002	Trần Ngọc Thảo	**Hiền**	09/03/2001		9	chín	C22TC	
6	2010120011	Nguyễn Thị	**Liễu**	18/11/2002		5	Năm	C22TC	
7	2010120006	Nguyễn Thị Phương	**Loan**	27/09/2002		6	Sáu	C22TC	
8	2010120016	Nguyễn Phương	**Mai**	01/04/2001				C22TC	
9	2010120020	Dương Thị Thu	**Nguyệt**	12/08/2002		7	bảy	C22TC	
10	2010120015	Nguyễn Yến	**Nhi**	23/01/2002		6	Sáu	C22TC	
11	2010120005	Lê Thanh	**Như**	07/07/2002		6	Sáu	C22TC	
12	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh	**Như**	16/12/2002		7	bảy	C22TC	
13	2010120029	Lê Thị Hoài	**Sương**	26/07/2002		8	Tám	C22TC	
14	2010120030	Nguyễn Minh	**Thành**	20/11/2002		6	Sáu	C22TC	
15	2010120022	Nguyễn Anh	**Thư**	26/09/2002		8	Tám	C22TC	
16	2010120033	Nguyễn Thanh	**Thương**	16/07/2002		6	Sáu	C22TC	
17	1810100072	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	23/12/2000		7	bảy	C20QT2	
18	2010120012	Trương Thị Quế	**Trân**	02/09/2002		9	chín	C22TC	
19	2010120024	Nguyễn Thanh	**Tú**	30/08/2002		10	Mười	C22TC	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 19 / 19 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 19 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 *tháng* 4 *năm* 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 *tháng* 3 *năm* 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 14:15 28/01/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036
Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120032	Huỳnh Ngọc	**Diễm**	13/01/2002		6	Sáu	C22TC	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 1 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 1 / 1 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày. 19 *tháng* 4 *năm* 2021
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày. 25 *tháng* 3 *năm* 2021
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 11:11 04/03/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036

Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết - (04058)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120032	Huỳnh Ngọc	**Diễm**	13/01/2002		7	bảy	C22TC	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 1 **vắng thi:** 1 **. Số bài thi:** 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 1 / _____ **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 19 *tháng* 4 *năm* 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 *tháng* 3 *năm* 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

Ngày in: 11:11 04/03/2021

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036
Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết
Ngày thi: 16/04/2021 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: A1.8**

Giám thị 1: N.T.N. Hà Ký tên:
Giám thị 2: Cao Thị Dịu Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110016	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18/08/2002			4.5	Bốn rưỡi	C22KT1	
2	2010110043	Phan Hồng	Ánh	24/10/2002			6	Sáu	C22KT2	
3	2010110022	Trần Tuyết	Băng	22/09/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT1	
4	2010110027	Nguyễn Khoa Diệu	Bích	02/02/2020			4.5	Bốn rưỡi	C22KT1	
5	2010110047	Huỳnh Võ Huyền	Diệu	31/12/2001			4.5	Bốn rưỡi	C22KT2	
6	2010100144	Bàn Thúy	Duyên	22/10/2002			2.5	Hai rưỡi	C22KT2	
7	2010110009	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	04/06/2000			4.5	Bốn rưỡi	C22KT1	
8	2010110049	Trần Phạm Thanh	Hà	30/01/2002			9.5	Chín rưỡi	C22KT2	
9	2010110052	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	16/04/2000			8.5	Tám rưỡi	C22KT2	
10	2010110032	Lê Thị Ngọc	Huyền	31/01/2002			4	Bốn	C22KT2	
11	2010110003	Lê Thị Kim	Hương	21/12/1999			3.5	Ba rưỡi	C22KT1	
12	2010110010	Phạm Trương Thị Trúc	Loan	17/08/2002			10	Mười	C22KT1	
13	2010110019	Nguyễn Huỳnh	Luân	12/11/2002			4	Bốn	C22KT1	
14	2010110046	Lê Thị Quỳnh	Mai	07/06/2002			9	chín	C22KT2	
15	2010110013	Ngô Thị Xuân	Mai	26/01/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT1	
16	2010110040	Võ Nhựt	Minh	29/08/2001			8.5	Tám rưỡi	C22KT2	
17	2010110015	Trịnh Trúc	Ngân	04/08/2002		—	—		C22KT1	
18	2010110038	Lê Phạm Kiều	Nhi	22/02/2002			0	Không	C22KT2	
19	2010110034	Nguyễn Yến	Nhi	27/01/2002			10	Mười	C22KT2	
20	2010110029	Hồ Thị Kim	Nhung	15/05/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT2	
21	2010110044	Phan Tuyết	Như	15/07/2002			8.5	Tám rưỡi	C22KT2	
22	2010110005	Lê Huỳnh	Oanh	29/01/2002			5	Năm	C22KT1	
23	2010110008	Vũ Thị Kiều	Oanh	28/02/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT1	
24	2010110041	Trần Kiều Ái	Phương	21/06/2002			4	Bốn	C22KT2	
25	2010110020	Nguyễn Thị	Sương	05/02/2000			6	Sáu	C22KT1	
26	2010110014	Trương Thị Phương	Thanh	22/08/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT1	
27	2010110023	Nguyễn Thụy Thanh	Thảo	11/07/2002			6.5	Sáu rưỡi	C22KT1	
28	2010110004	Trương Thị	The	15/02/1998			5.5	Năm rưỡi	C22KT1	
29	2010110007	Nguyễn Đức	Thịnh	08/10/2002			4	Bốn	C22KT1	
30	2010110017	Võ Thanh	Thùy	13/09/2002			4.5	Bốn rưỡi	C22KT1	
31	2010110002	Vi Thị Minh	Thư	20/11/2000			4.5	Bốn rưỡi	C22KT1	
32	2010110001	Quách Cẩm	Thy	20/05/1997			6	Sáu	C22KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010110026	Đặng Thị Cẩm	**Tiên**	06/08/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT1	
34	1810100072	Lê Thị Ngọc	**Trâm**	23/12/2000			4	Bốn	C20QT2	
35	2010110021	Nguyễn Thị Quế	**Trân**	11/12/2002			9	Chín	C22KT1	
36	2010110025	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	07/12/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT1	
37	2010110006	Phạm Ngọc Phi	**Yến**	28/10/2002			5	Năm	C22KT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 36 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 36 / 36 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 19 *tháng* 4 *năm* 21

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG KHẢO

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 19 *tháng* 4 *năm* 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Nguyên lý kế toán - MH1104036
Mã lớp học phần: MH110403603 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Tuyết
Ngày thi: 16/04/2021 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: A1.11**

Giám thị 1: Trần Thị Tuyết Ký tên:
Giám thị 2: Ng Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120031	Đỗ Minh	Anh	11/11/2002			0.0	Không	C22TC	
2	2010120034	Phan Thị Kim	Anh	14/03/2002			6.5	Sáu rưỡi	C22TC	
3	2010120032	Huỳnh Ngọc	Diễm	13/01/2002			2.5	Hai rưỡi	C22TC	
4	2010120017	Cao Thị Bạch	Đằng	25/12/2002			6.	Sáu	C22TC	
5	2010120018	Bùi Thị	Hiền	23/07/2002			5.	Năm	C22TC	
6	2010120002	Trần Ngọc Thảo	Hiền	09/03/2001			4.5	Bốn rưỡi	C22TC	
7	2010120011	Nguyễn Thị	Liễu	18/11/2002			5.5	Năm rưỡi	C22TC	
8	2010120006	Nguyễn Thị Phương	Loan	27/09/2002			4.	Bốn	C22TC	
9	2010120020	Đương Thị Thu	Nguyệt	12/08/2002			5.5	Năm rưỡi	C22TC	
10	2010120015	Nguyễn Yến	Nhi	23/01/2002			5.5	Năm rưỡi	C22TC	
11	2010120005	Lê Thanh	Như	07/07/2002			4.	Bốn	C22TC	
12	2010120014	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	16/12/2002			5.	Năm	C22TC	
13	2010120029	Lê Thị Hoài	Sương	26/07/2002			7.	Bảy	C22TC	
14	2010110051	Nguyễn Thị Thái	Thanh	09/12/2002			8.	Tám	C22KT2	
15	2010120030	Nguyễn Minh	Thành	20/11/2002			7.	Bảy	C22TC	
16	2010120022	Nguyễn Anh	Thư	26/09/2002			5.5	Năm rưỡi	C22TC	
17	2010120033	Nguyễn Thanh	Thương	16/07/2002			7.	Bảy	C22TC	
18	2010110031	Phạm Thị Thùy	Trang	02/05/2002			5.	Năm	C22KT2	
19	2010110028	Trần Ngọc	Trâm	13/01/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT2	
20	2010110035	Trần Thị Tiểu	Trân	06/05/2002			6.5	Sáu rưỡi	C22KT2	
21	2010120012	Trương Thị Quế	Trân	02/09/2002			4.	Bốn	C22TC	
22	2010110042	Đoàn Thị Thùy	Trinh	14/04/2002			5.5	Năm rưỡi	C22KT2	
23	2010110030	Phan Thị	Trinh	12/02/2000			6.	Sáu	C22KT2	
24	2010110039	Võ Thị Mai	Trinh	04/10/2002			7.5	Bảy rưỡi	C22KT2	
25	2010120024	Nguyễn Thanh	Tú	30/08/2002			9.5	Chín rưỡi	C22TC	
26	2010110037	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	06/09/2002			4.5	Bốn rưỡi	C22KT2	
27	2010110045	Ngô Thanh	Vũ	02/12/2001			9.	Chín	C22KT2	
28	2010110048	Nguyễn Trần Thúy	Vy	12/10/2002			8.5	Tám rưỡi	C22KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 28 / 29 .

Số sinh viên đạt: _____ **Tỷ lệ đạt:** _____ %

Ngày 19 tháng 4 năm 21

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyết

TRƯỜNG C
P
KHẢO